

Bản án số: **10/2022/KDTM-ST**
Ngày 21 tháng 3 năm 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K – THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Phạm Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 5/2021/KTST ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2021/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q;

Trụ sở chính: Số 28C-28D, phố Tr, phường B, quận K, Thành phố N.

Địa chỉ liên hệ: số 175 đường H, Phường B, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Hoàng D; Chức vụ: Chuyên viên cao cấp Phòng Tổ tụng tại Miền Nam; *(Có mặt tại phiên tòa)*

Địa chỉ: số 175 đường H, Phường B, Quận B, Thành phố H. *(Văn bản ủy quyền số 22/2020/UQ-NCB ngày 05 tháng 11 năm 2020)*

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

Trụ sở: Số 269 đường Th, phường T, quận K, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị V; Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: số 65, đường Th, phường T, quận K, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận K, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q do bà Trần Hoàng D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K (sau đây gọi tắt là Công ty K) có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q) theo Hợp đồng tín dụng số 024/15/HĐTD/101-75 ngày 02/02/2015, với các nội dung thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay: 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*);
- Mục đích vay: mua 01 xe ô tô;
- Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày 03/02/2015;
- Lãi suất vay: lãi suất vay kể từ ngày giải ngân 03/02/2015 cho đến ngày 03/5/2019 là 9,5%/năm. Lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng một lần theo công thức lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ;
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150 lãi suất vay, được áp dụng với cả nợ gốc, nợ lãi chậm trả tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Công ty K đã ký Hợp đồng thế chấp ô tô (tài sản hình thành từ vốn vay) số 024/15/HĐTC/101-75 ngày 02/02/2015 tại Ngân hàng Q để thế chấp tài sản là xe ô tô, hãng xe Chevrolet, loại xe Chevrolet Cruze, màu sơn: đen, số khung RLLJA695EEH988813, số máy F18D4143220096, biển số 51F-043.97.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã thanh toán được 66.672.000 đồng tiền gốc và 29.769.317 đồng tiền lãi. Sau đó, Công ty không tiếp tục thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng Q, dẫn đến khoản vay theo hợp đồng nêu trên đã quá hạn. Ngân hàng Q đã đôn đốc, nhắc nợ nhiều lần nhưng Công ty K vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 21/3/2022, Công ty K còn nợ Ngân hàng Q số tiền 928.251.255 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng*), bao gồm:

- Nợ gốc: 433.328.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 104.172.937 đồng;
- Lãi quá hạn: 323.431.164 đồng;
- Phạt chậm trả: 67.319.154 đồng.

Ngân hàng Q tự nguyện rút yêu cầu phạt chậm trả lãi đối với Công ty K.

Nay Ngân hàng Q yêu cầu Tòa án buộc Công ty K phải thanh toán cho Ngân hàng Q tổng số tiền tính đến ngày 21/3/2022 là 860.932.101 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm năm lẻ một đồng*) và tiền lãi phát sinh

theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kể từ ngày 22/3/2022 cho đến khi Công ty K trả dứt nợ.

Nếu Công ty K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô (tài sản hình thành từ vốn vay) số 024/15/HĐTC/101-75 ngày 02/02/2015 tại Ngân hàng Q để thế chấp tài sản là xe ô tô, hãng xe Chevrolet, loại xe Chevrolet Cruze, màu sơn: đen, số khung RLLJA695EEH988813, số máy F18D4143220096, biển số 51F-043.97 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc Thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự vào các ngày 27/4/2021, 31/5/2021 và 30/12/2021 cho bị đơn Công ty K (do bà Nguyễn Thị V là đại diện theo pháp luật) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân quận K lập Biên bản không tiến hành hòa giải được và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

** Nguyên đơn Ngân hàng Q (do bà Trần Hoàng D là đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Tòa án*

- Buộc Công ty K thanh toán số tiền nợ là 860.932.101 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm năm lẻ một đồng*). Yêu cầu thanh toán 01 lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty K phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kể từ ngày 22/3/2022 cho đến khi Công ty K trả dứt nợ.

- Nếu Công ty K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô Chevrolet Cruze, số khung RLLJA695EEH988813, số máy F18D4143220096, biển số 51F-043.97 để thanh toán nợ.

** Bị đơn Công ty K (do bà Nguyễn Thị V là đại diện theo pháp luật) vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay

bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Ngân hàng Q và Công ty K có ký Hợp đồng tín dụng số 024/15/HĐTC/101-75 ngày 02/02/2015. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng Q đã giải ngân Công ty K số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng, Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/11/2020 Ngân hàng Q đã khởi kiện Công ty K để thu hồi khoản vay. Tính đến ngày 21/3/2022 Công ty K phải trả cho Ngân hàng Q tổng số tiền là 860.932.101 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 433.328.000 đồng; Lãi trong hạn là 104.172.937 và Lãi quá hạn là 262.386.082 đồng). Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại hợp đồng nên Ngân hàng Q chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng 2010 có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Q và trình bày của người đại diện theo ủy quyền, giữa Ngân hàng Q và Công ty K (trụ sở chính tại địa chỉ số 269 đường Th, phường T, quận K) có quan hệ hợp đồng tín dụng và việc cho vay phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có kinh doanh với nhau nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Do Công ty K không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận K giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự cho Công ty K, theo quy định tại Điều 179, Điều 196, Điều 208, khoản 2 Điều 220, khoản 3 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Công ty K vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Công ty K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi được tổng đạt thông báo

thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 860.932.101 đồng (trong đó nợ gốc là 433.328.000 đồng; lãi trong hạn là 104.172.937 đồng và lãi quá hạn là 323.431.164 đồng) và yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu tính phạt chậm trả đối với bị đơn.

Xét Hợp đồng tín dụng số 024/15/HĐTD/101-75 ngày 02/02/2015 được ký kết giữa Ngân hàng Q và Công ty K thì sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng Ngân hàng Q đã giải ngân cho Công ty K theo Khế ước nhận nợ lần 01 ngày 03/02/2015, thời hạn vay 60 tháng, số tiền vay 500.000.000 đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô. Do Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Q khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là thể hiện sự thiếu thiện chí và cố tình kéo dài thời hạn thanh toán số nợ trên, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Việc nguyên đơn không yêu cầu tính phạt chậm trả đối với bị đơn là có lợi cho bị đơn nên Tòa án ghi nhận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ là 860.932.101 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm năm lẻ một đồng*) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kể từ ngày 22/3/2022 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

Căn cứ theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì “*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ*

thảm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, cc tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91, 94 và 95 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở buộc Công ty K phải tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày 22/3/2022 đến thời điểm thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, tương ứng với số vốn và thời gian chậm trả.

- Xét nguyên đơn yêu cầu nếu bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô Chevrolet Cruze, màu đen, số khung RLLJA695EEH988813, số máy F18D4143220096, biển số 51F-043.97 để thanh toán nợ.

Công ty K đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô (Tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay) số 024/15/HĐTC/101-75 ngày 02/02/2015 để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 024/15/HĐTD/101-75 ngày 02/02/2015 bằng tài sản thế chấp là xe ô tô Chevrolet Cruze, màu đen, số khung RLLJA695EEH988813, số máy F18D4143220096, biển số 51F-043.97 do Công ty K đứng tên. Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng thế chấp trên đã được chứng nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu của Ngân hàng Q về việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 72, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 170, Điều 171, Điều 172, Điều 173, Điều 179, Điều 196, Điều 199, Điều 208, khoản 2 Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 233, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;
- Khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K có nghĩa vụ thanh toán nợ Hợp đồng tín dụng số 024/15/HĐTD/101-75 ngày 02/02/2015 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, số tiền là 860.932.101 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm năm lẻ một đồng*), cụ thể: nợ gốc là 433.328.000 đồng; lãi trong hạn là 104.172.937 đồng và lãi quá hạn là 323.431.164 đồng.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần toàn bộ số nợ trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận việc Ngân hàng thương mại cổ phần Q không yêu cầu phạt chậm trả đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K.

- Kể từ ngày 22/3/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp xe ô tô (Tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay) số 024/15/HĐTC/101-75 ngày 02/02/2015. Tài sản thế chấp là xe xe ô tô Chevrolet Cruze, màu đen, số khung RLLJA695EEH988813, số máy F18D4143220096, biển số 51F-043.97 do Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K đứng tên.

- Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K không trả được nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô (Tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay) số 024/15/HĐTC/101-75 ngày 02/02/2015 để thu hồi nợ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.827.963 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 11.250.814 đồng (*Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn tám trăm mười bốn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0071654 ngày 18/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận K, Thành phố H.

3. Địa điểm thi hành:

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Trang